

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/NGOCTHOMFOODS/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THOM FOODS

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Điện thoại: 0918424325

Email:

Mã số doanh nghiệp: 1102026993

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Áp dụng ISO 22000:2018, số: TQC.03.5758.

Ngày cấp: 25/01/2024. Nơi cấp: TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GIÒ BÌ ỚT XIÊM XANH

2. Thành phần: Thịt heo (70%), mỡ heo (15%), bì heo (10%), ớt xiêm xanh (1%), muối, đường kính, chất điều vị (INS 621), hạt tiêu, nước mắm (cá và muối), chiết xuất nấm men, chất ổn định (INS 1414), chất nhũ hóa (INS 450(iii), INS451(i), INS450(i), INS 471), chất chống đông vón (INS341(i), INS 504(i), INS 551), chất làm dày (INS 407a), đạm đậu nành, đạm thịt heo, bột huyết thanh dạng khô, chất bảo quản (INS262(i), INS234), chất điều chỉnh độ acid (INS296), hương liệu giống tự nhiên (hương heo).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bảo quản ở nhiệt độ $0^{\circ}\text{C} - 4^{\circ}\text{C}$: 60 ngày kể từ ngày sản xuất.
 - Bảo quản ngăn đá tủ lạnh (-18°C): 3 tháng kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem ở mặt sau bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao bì nhựa PA/LLPDE. Cam kết bao bì chứa đựng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách bao gói: Đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 45 g

(Hoặc Khối lượng tịnh khác theo nhu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm)



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 8-3:2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm:

TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn cho phép (CFU/g)	
			n	c	m	M
3.1	Thịt và sản phẩm chế biến từ thịt sử dụng trực tiếp không cần xử lý nhiệt	TSVSVHK	5	2	5×10^5	5×10^6
		<i>E. coli</i>	5	2	5×10^1	5×10^2
		<i>Salmonella</i>	5	0	KPH ⁽²⁾	

Ghi chú:

-⁽²⁾ trong 25g

- n: số mẫu cần lấy từ lô hàng để kiểm nghiệm

- c: Số mẫu tối đa cho phép có kết quả nằm giữa m và M. Trong n mẫu kiểm nghiệm được phép có tối đa c mẫu cho kết quả kiểm nghiệm nằm giữa m và M

- m: giới hạn dưới, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm tất cả các kết quả không vượt quá giá trị m là đạt

- M: giới hạn trên, nếu trong n mẫu kiểm nghiệm chỉ 01 mẫu cho kết quả vượt quá giá trị M là không đạt.

- Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cadimi	mg/ kg	0,05
2	Chì	mg/ kg	0,1

20269
ĐNGT
PHI
JAT THU
QCTI
FOOT
HOA

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 24 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hằng

11/2/2024 10:11

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 07/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277D0436

Mã KQ/ RP. No: 003015922.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **02/04/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **02/04/2024 - 07/04/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **GIÒ BÌ ỚT XIÊM XANH**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong túi nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Trạng thái/ Characteristic	Mềm, dai, không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	Màu sắc/ Colour	Màu đặc trưng của sản phẩm	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	Mùi, vị/ Odor, taste	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	59.7	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
5	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
6	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	17.7	%	-	TS-KT-HCB-002:2018
9	Carbohydrate (*)	6.36	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
10	Năng lượng/ Calories	242	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
11	Tro tổng (*)/ Total ash (*)	2.04	%	-	TS-KT-HCB-006:2018
12	Muối (NaCl) (*)/ Salt (NaCl) (*)	0.910	%	-	TS-KT-HCB-009:2018
13	Amoniac (NH ₃) (*)/ Ammonia (NH ₃) (*)	14.3	mg/100g	-	TS-KT-HCB-14:2020
14	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	3	TS-KT-HCB-49:2018 (Ref. AOAC 973.31)
15	Định tính borat (*)/ Qualitative of borate (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TCVN 8895:2012



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7 8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 07/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277D0436

Mã KQ/ RP. No: 003015922.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPHH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
16	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	14.2	%	-	TS-KT-HCB-001:2018
17	Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
18	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)/ Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	7.2x10 ²	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
20	<i>Escherichia coli</i> (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
21	<i>Salmonella</i> spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
22	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	6222	mg/kg	-	TS-KT-OP-01:2018 (Ref. TCVN 9388:2013, AOAC 999.11)

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GPHH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.